

RUNG LẮC TẠI VÙNG KHÁNG CỰ

Quốc tế

- Phố Wall ghi nhận diễn biến trái chiều trong phiên giao dịch ngày 12/01. Chỉ số Dow Jones giảm 118,04 điểm (-0,31%), chỉ số NASDAQ tăng 2,58 điểm (+0,02%) và chỉ số S&P 500 tăng 3,59 điểm (+0,08%). Chứng khoán Mỹ diễn biến trái chiều sau khi một số ông lớn ngân hàng báo cáo kết quả kinh doanh quý IV không đạt kỳ vọng.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến giảm điểm trong ngày giao dịch 12/01. Chỉ số FTSE 100 (Anh) giảm 75,17 điểm (-0,98%), CAC 40 (Pháp) giảm 38.46 điểm (-0,52%). Thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á ghi nhận diễn biến tăng điểm trong phiên giao dịch 12/01.
- Giá dầu WTI tăng 0,92% và dầu Brent tăng 1,14% trong phiên giao dịch ngày 12/01. Bên cạnh đó, giá Vàng ghi nhận diễn biến giảm.
- Theo báo cáo mà Bộ Tài chính Mỹ vừa công bố, thâm hụt ngân sách trong quý I tài khóa 2024 (từ tháng 10 đến tháng 12/2023) đã tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái, lên mức 510 tỷ USD.
- Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ trong năm ngoái đạt 500,3 tỷ USD, giảm 13,1% so với năm 2022. Đây là mức xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ thấp nhất trong gần 30 năm qua.

Trong nước

- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với giá trị 16,71 tỷ, tập trung ở các cổ phiếu STB, VCB, VPB.
- Bộ Xây dựng cho biết tính đến hiện tại mới giải ngân được 180 tỷ đồng gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho nhà ở xã hội.

Diễn biến thị trường:

- Đóng cửa ngày 12/01, Vnindex giảm 7,52 điểm, đóng cửa tại 1.154,70 điểm, khối lượng giao dịch đạt hơn 1.086 nghìn đơn vị, tương ứng 22.751 tỷ đồng. Trong ngắn hạn chỉ số ghi nhận duy trì diễn biến tăng giá, hiện đang có dấu hiệu tạo đỉnh ngắn hạn tại **vùng kháng cự 1.163 - 1.165** điểm trong bối cảnh các chỉ báo kỹ thuật cũng đang ghi nhận tín hiệu suy yếu và tín hiệu bán ra trong vùng cảnh báo quá mua, hàm ý cho việc chỉ số đang phải chịu áp lực điều chỉnh lớn với kịch bản "kiểm tra" lại **ngưỡng điểm hỗ trợ dài hạn 1.130 điểm**.

Chiến lược giao dịch: Tăng tỉ trọng cổ phiếu / tiền mặt tại ngưỡng 80/20

- Nhà đầu tư được khuyến nghị tăng tỷ trọng cổ phiếu lên 80/20 với danh mục cp tiềm năng dưới đây khi chỉ số đang rung lắc mạnh và thử thách ngưỡng kháng cự **1.165** điểm. Nếu dư địa tăng giá tiếp tục được duy trì đi kèm với tâm lý tích cực, chỉ số có thể tiến về ngưỡng kháng cự tiếp theo tại ngưỡng **1.200** điểm. Trong trường hợp, áp lực bán ở ngưỡng **1.165** điểm lớn và chỉ số không duy trì được nhịp tăng, nhà đầu tư có thể tận dụng diễn biến điều chỉnh của chỉ số Vn-Index trong kịch bản kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ dài hạn **1.130** điểm để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu nắm giữ.

Danh mục ưu tiên quan sát: Tiềm năng tăng giá ngắn trong giai đoạn này:

- ❖ **Đầu tư công:** HHV
- ❖ **Chứng khoán:** HCM, SHS, VIX
- ❖ **Bất động sản:** TCH, DIG
- ❖ **Cảng biển:** HAH
- ❖ **Thép:** HSG
- ❖ **Bank:** VIB, SSB, ACB
- ❖ **Bán lẻ:** DGW
- ❖ **Khác:** PNJ, GEX, GVR

Doanh nghiệp

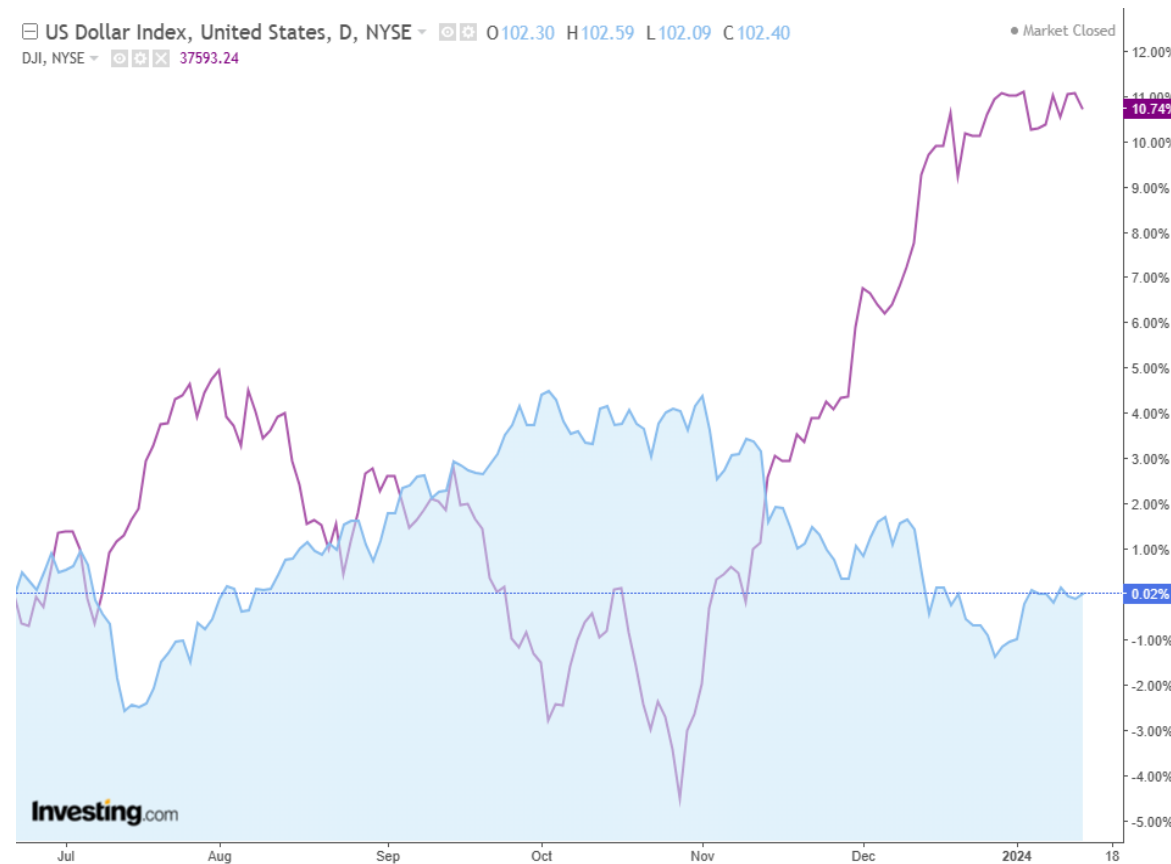
- POW: PV Power năm 2024 đặt mục tiêu sản lượng điện đạt 16,703 tỷ kWh, tăng hơn 2,26 tỷ kWh so với ước thực hiện của năm 2023
- VSC: Sau khi mua được 35% vốn tại công ty sở hữu cảng Nam Hải Đình Vũ, Viconship muốn chi thêm 1.320 tỷ đồng để nâng sở hữu lên tối đa 79% vốn và hợp nhất vào báo cáo ngay trong năm 2024
- VPI: Văn Phú công bố chi tiết lô trái phiếu 650 tỷ đồng, chốt ngày phát hành vào 31/1
- FCN: Chỉ hoàn thành 1,2% kế hoạch năm, Fecon không bán hết được trái phiếu như kỳ vọng
- HAG: Hoàng Anh Gia Lai đã hoàn tất giao dịch bán 13,3 triệu cổ phiếu HNG của HAGL Agrico
- GVR: Tập đoàn Cao su dự định chi gấp đôi cho hoạt động đầu tư phát triển. Tập đoàn xác định sẽ tập trung rót vốn vào các dự án khu công nghiệp tại các tỉnh miền Đông
- VRG: Ước lãi năm 2023 đạt hơn 200 tỷ đồng, 'thận trọng' đưa ra kế hoạch năm 2024
- SZC: Sonadezi Châu Đức mua lại 100 tỷ đồng trái phiếu trước thềm chào bán 60 triệu cổ phiếu
- NVL: CTCP Novagroup bị công ty chứng khoán bán giải chấp hơn 80.500 cổ phiếu
- VRE: Vincom Retail trong năm 2024 sẽ tăng thêm 160.000 m2 khi loạt dự án mới được đưa vào hoạt động, bao gồm dự án trọng điểm Vincom

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	12/01/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD	% Năm
VN INDEX	1154,7	-0,65%	0,00%	4,75%	2,19%	8,92%
HNX30 INDEX	488,29	-1,68%	-1,83%	0,23%	-1,33%	37,85%
VN30 INDEX	1163,66	0,01%	0,22%	6,04%	2,85%	8,77%
S&P 500	4783,83	0,08%	1,84%	1,37%	0,29%	19,62%
Dow Jones	37592,98	-0,31%	0,34%	0,77%	-0,26%	9,59%
Nasdaq	14972,76	0,02%	3,09%	1,07%	-0,26%	35,14%
Shanghai Composite	2881,977	-0,16%	-0,19%	-2,06%	-3,12%	-9,81%
Nikkei 225	35753,65	0,50%	7,12%	8,44%	6,84%	36,88%
Thailand SET	1413,53	0,38%	-1,01%	1,62%	-0,16%	-15,95%
Malaysia	1491,83	0,30%	-0,26%	2,01%	2,56%	-0,21%
Philippine	6643,18	0,45%	0,20%	2,54%	2,99%	-4,44%
Indonesia JCI	7241,138	0,29%	-1,49%	0,70%	-0,44%	9,02%
FTSE 100	7624,93	0,64%	-0,84%	0,64%	-1,40%	-2,79%
DAX	16704,56	0,95%	0,66%	-0,28%	-0,28%	10,73%
CAC 40	7465,14	1,05%	0,60%	-1,73%	-1,03%	6,29%

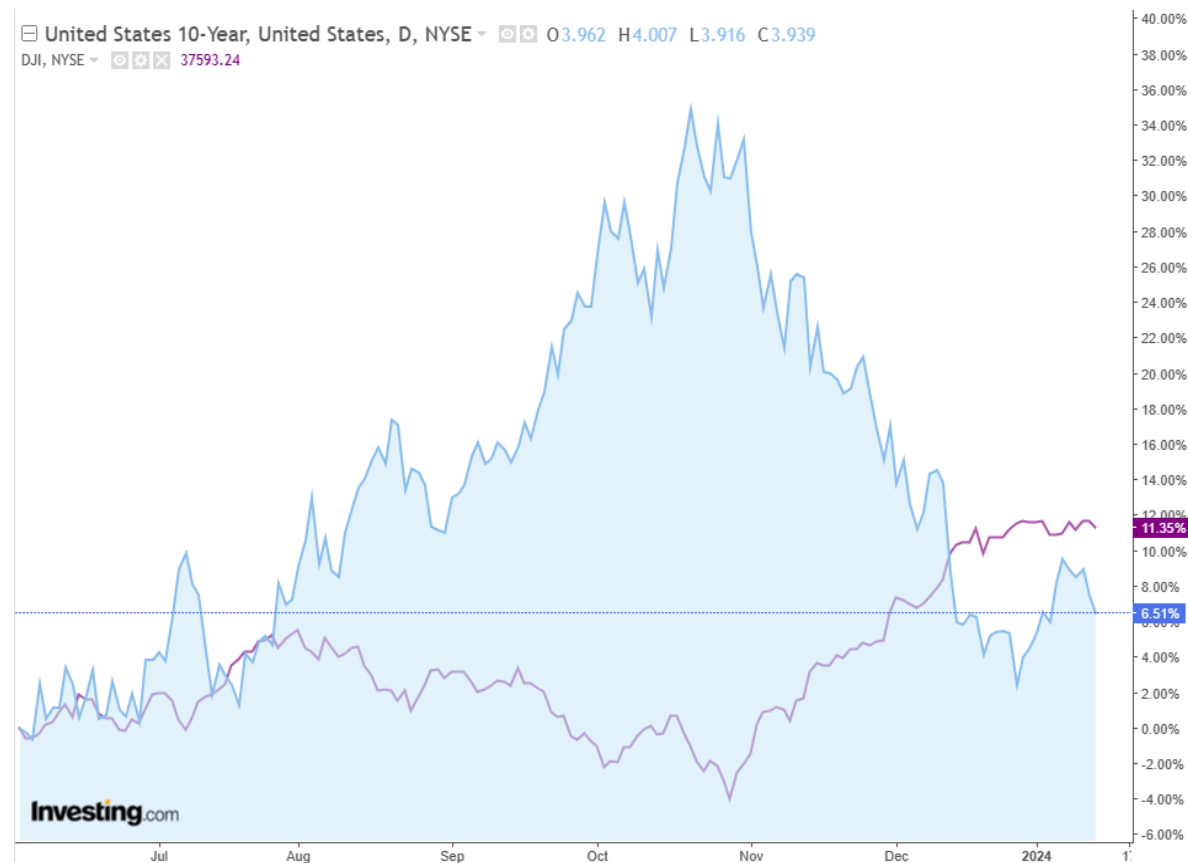
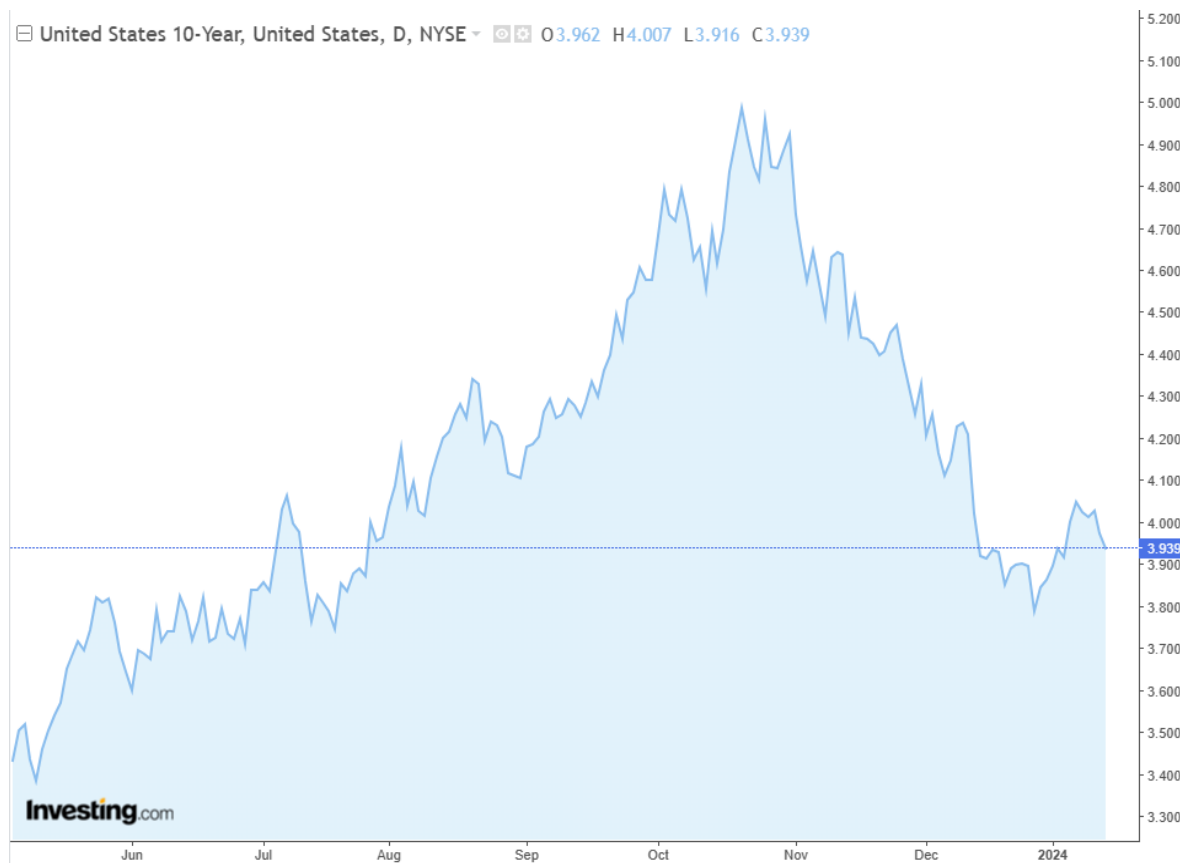
Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ DXY VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



Nguồn: TradingView, VietinBank Securities

BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU MỸ 10 NĂM VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



Nguồn: TradingView, VietinBank Securities

CẬP NHẬT GIAO DỊCH QUỸ ETF

Name	1D Flow	1W Flow	1M Flow	YTD Flow	1Y Flow	3Y Flow
Median	0	0	0	0	0,28	0
Fubon FTSE Vietnam ETF	0	0,77	18,9	0,77	67,66	789,69
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	0	0	3,93	0	80,17	-2,83
Premia MSCI Vietnam ETF	0	0	0	0	-0,89	-6,13
CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	0	0	0	0	-2,38	-2,38
KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	0	0	0	0	-0,41	-7,06
Premia MSCI Vietnam ETF	0	0	0	0	-0,89	-6,13
Asian Growth CUBS ETF	0	1,15	3,92	4,23	-46,14	-137,83
DCVFMVN30 ETF Fund	0	1,32	1,54	1,32	5,27	5,27
DCVFMVN Mid Cap ETF	0	0	0	0	0	0
KIM Growth VN30 ETF	0	0	1,39	0	6,09	23,13
KIM Growth VNFINSELECT ETF	0	0	0	0	8,75	8,75
SSIAM VN30 ETF	0	0	0	0	1,89	1,96
SSIAM VNX50 ETF	0	0	0,21	0	0,28	-1,31
SSIAM VNFIN LEAD ETF	0,79	-3,52	-15,54	-12,91	-105,11	-29,13
DCVFMVN Diamond ETF	-11,22	-19,22	-51,63	-21,05	-166,73	199,51
Global X MSCI Vietnam ETF	0	0	0	0	6,12	11,2
VanEck Vietnam ETF	0	0	0	0	-2,44	-2,44

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
PDN	101,700	1,000	6.94%
TTE	12,450	573	6.87%
BRC	12,400	2,002	5.53%
PMG	10,000	2,201	5.26%
ADP	20,100	68,612	4.69%
VPS	10,500	5,200	3.96%
BHN	40,400	800	3.59%
BCG	8,670	8,681,449	3.58%
MBB	21,350	46,202,322	3.39%
S4A	35,000	1,100	2.94%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
PTD	8,900	200	9.88%
TJC	14,600	3,500	9.77%
BED	24,900	100	9.69%
TTT	35,100	600	9.69%
VSM	17,300	100	9.49%
MCO	11,700	188,576	9.35%
CIA	10,800	154,342	9.09%
GLT	19,500	20,000	8.33%
THB	11,700	600	8.33%
KTT	4,000	21,200	8.11%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
STG	48,550	300	-6.99%
RDP	8,750	1,960,658	-6.91%
COM	37,150	4,246	-6.89%
DC4	11,500	1,033,772	-6.88%
SMA	8,150	200	-6.86%
HAS	6,750	100	-6.77%
FDC	18,000	200	-6.74%
CCI	22,000	5,210	-6.58%
EVG	5,210	2,321,660	-6.13%
KPF	5,000	646,859	-5.66%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
X20	9,300	400	-9.71%
TKG	13,300	1,070,685	-9.52%
SDG	16,500	1,000	-9.34%
VTH	8,800	1,300	-9.28%
MKV	8,900	100	-9.18%
L62	3,000	12,100	-9.09%
CX8	7,800	5,126	-8.24%
VC7	13,300	1,204,708	-7.64%
NTH	50,800	100	-7.64%
AAV	3,700	538,539	-7.50%

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	12/01/2024	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	CP liên quan đầu vào	CP liên quan đầu ra
Oil WTI	USD/bbl.	72,68	0,92%	2,29%	1,34%	PVT	GAS, BSR
Oil Brent	USD/bbl.	78,29	1,14%	2,50%	1,92%	PVT	GAS, BSR
Thép thanh	CNY/MT	3915	0,20%	-1,36%	-0,64%		HPG
Nhôm	USD/MT	2172,25	-0,74%	-2,67%	4,46%		
Đồng	USd/lb.	374,05	-0,95%	-1,30%	-3,34%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Than	USD/MT	130,85	0,08%	-0,53%	-10,53%		
Đường	USd/lb.	21,61	-0,69%	2,37%	-4,34%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Ngô	USd/bu.	447	-2,35%	-2,98%	-3,35%		
Gas	USD/MMBtu	3,313	6,97%	4,70%	25,25%		
Sữa	USD/cwt	15,15	-0,26%	0,20%	-6,37%	KDC	VNM, QNS
Vàng	USD/t oz.	2051,6	1,60%	0,91%	0,80%		PNJ
Bạc	USD/t oz.	23,329	2,75%	0,21%	-3,29%		PNJ
Lúa Mỳ	USd/bu.	596	-1,28%	-3,25%	-4,72%		
Thịt lợn	USd/lb.	71,9	-0,96%	2,71%	6,01%		
Thép HRC	CNY/MT	4057	0,42%	-0,78%	-0,66%		HPG

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!